

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU CHI TÀI CHÍNH THÁNG 03/2026**

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên nguồn	Số dư đầu tháng	Số thu trong tháng	Số chi trong tháng	Số dư cuối tháng
1	2	3	4	5	6
1	Đề Án Tiếng Anh	1.116.000			1.116.000
2	Cải cách tiền lương	139.888.588			139.888.588
3	Học phí chính khóa	78.227.762			78.227.762
4	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	9.236.358		500.000	8.736.358
5	Tiền tổ chức dạy 2 buổi/ngày	4.259.385		4.259.381	4
6	Tiền tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ	23.360.155	14.985.000	12.169.000	26.176.155
7	Học phí cấp bù	10			10
8	Trích lại BHYT HS	114.879.538			114.879.538
12	Tiền suất ăn bán trú	94.411.000	469.700.000	97.895.000	466.216.000
14	DV Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	144.236.585	111.060.000	115.228.077	140.068.508
15	Tiền tổ chức Kỹ năng sống	42.088.639	99.680.000	48.776.764	92.991.875
16	Tiền mua sắm Thiết bị vật dụng phục vụ HS bán trú	37.659.576			37.659.576
17	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	394.374.026		19.756.000	374.618.026
18	Quỹ khen thưởng	43.251.195			43.251.195
19	Quỹ phúc lợi	116.149.776			116.149.776
20	Quỹ bổ sung thu nhập	0			0
21	Tiền tổ chức giáo dục STEM	68.294.050	115.245.000	48.290.000	135.249.050
22	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	171.663.350	225.000.000	107.988.873	288.674.477
23	Thu hộ, chi hộ khác	687.906			687.906
24	Thu hộ, chi hộ khác ngân hàng	3.038.594			3.038.594
26	Tiền gửi NH	51.926	459.657.711	459.657.702	51.935
27	Tiền gửi NH nguồn thu	5.534.227	327.522		5.861.749
28	Thu hộ chi hộ TKNH vietinbank	20.877.500		5.965.000	14.912.500
29	Tiền TC các lớp học ĐA nâng cao NL KT KNUD Tin học cho HSPT TPHCM theo ĐH chuẩn QT GD 2021-2030	23.199.300	33.165.000	13.659.000	42.705.300
31	Tiền nước uống	31.673.293	13.050.000		44.723.293
32	Dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và CBS	58.362.380	49.315.000	16.170.000	91.507.380
33	Cần tin tự vận hành	10.374.658	3.150.000		13.524.658
34	Tiền tổ chức CT học ngoại ngữ thông qua Toán và Khoa học	49.940.695	63.250.000	35.268.797	77.921.898
35	DV sử dụng ML của lớp học có máy lạnh	62.529.591	84.240.000	32.455.167	114.314.424
36	Tiền tổ chức dạy các lớp NK, TDTC, CLB, HB	73.901.850	55.510.000	25.275.000	104.136.850
37	Tiền lãi Ngân hàng Vietinbank( Thu hộ)	204.587	11.032		215.619
38	Thu hộ học phí	0	1.334.200.000	1.334.200.000	0
39	Tạm thu thuế TNCN	1.288.000			1.288.000
		<b>1.824.760.500</b>	<b>3.131.546.265</b>	<b>2.377.513.761</b>	<b>2.578.793.004</b>

Kế toán



Lu Nguyễn Hồng Phương



Ngày 01 tháng 04 năm 2026

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm